BỘ CÔNG THƯƠNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – RƯỢU – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 08 năm 2017

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chức danh quản lý của SABECO trong quản trị Công ty, báo cáo và công bố thông tin.

Đối tượng áp dụng bao gồm:

a) Đại hội đồng cổ đông;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Thành viên Ban Tổng giám đốc của SABECO và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

c) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến SABECO.

Điều 2: Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt

Các thuật ngữ đã được định nghĩa tại Điều lệ của SABECO thì mặc nhiên được hiểu và áp dụng tương tự trong Quy chế này. Các thuật ngữ được định nghĩa và từ viết tắt dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

1. "Tổng Công ty" hoặc "SABECO": là Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.

2. "ĐHĐCĐ": Đại hội đồng cổ đông SABECO.

3. "BKS": Ban Kiểm soát SABECO

4. "HĐQT": Hội đồng quản trị SABECO.

5. "Luật Doanh nghiệp": Luật doanh nghiệp năm 2014.

6. "Quy chế nội bộ về quản trị SABECO" là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho SABECO hoạt động theo định hướng và được kiểm soát có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những bên liên quan của SABECO.

7. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán

8. "Người quản lý Tổng Công ty" là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng SABECO.

9. "Người điều hành Tổng Công ty" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng SABECO.

10. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

11. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng SABECO.

12. "Thành viên Hội đồng quản trị độc lập" (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp.

13. "Người phụ trách quản trị Tổng Công ty" là người có trách nhiệm và quyền hạn quy định tại Điều 19 Quy chế này.

Trong Quy Chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản của Điều Lệ, các quy chế, quy định nội bộ hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật chuyên ngành

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị Công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ SABECO, đặc biệt là:

a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của SABECO, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ SABECO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp SABECO có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được công bố đầy đủ cho cổ đông;

c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của SABECO;

d. Quyền tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong SABECO.

2. SABECO không được hạn chế cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ khi cổ đông có yêu cầu.

3. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới SABECO, HĐQT, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành phải đền bù cho SABECO theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu SABECO bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Trách nhiệm của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ SABECO, và đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của SABECO và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Điều lệ SABECO

Điều lệ SABECO được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định về quản trị Công ty đối với Công ty đại chúng.

Điều 7. Quy chế nội bộ về quản trị SABECO

Quy chế nội bộ về quản trị SABECO được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị SABECO không được trái với quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO.

Điều 8: Họp ĐHĐCĐ thường niên, bất thường

1. SABECO xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của SABECO quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ SABECO, gồm các nội dung chính sau:

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;

b. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;

c. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ;

d. Cách thức bỏ phiếu;

e. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, SABECO phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

f. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

g. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ;

h. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ;

i. Thông báo quyết định ĐHĐCĐ ra công chúng;

j. Các vấn đề khác.

2. SABECO triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ SABECO và các quy định nội bộ của SABECO. SABECO phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. SABECO không hạn chế cổ đông tham dự ĐHĐCĐ, và tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc uỷ quyền đại diện tham gia ĐHĐCĐ hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. SABECO hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. HĐQT hoặc người triệu tập ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ.

4. SABECO cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia, phát biểu ý kiến tại các cuộc họp ĐHĐCĐ một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực

tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ SABECO.

5. Hàng năm, SABECO tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ SABECO.

7. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán độc lập có thể được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ SABECO, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ SABECO;

2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

3. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);

4. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp;

5. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

6. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

7. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

8. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ SABECO;

2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của SABECO;

4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của SABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới SABECO (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

SABECO phải đảm bảo các cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).

2. Các ứng viên HĐQT có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Việc đề cử ứng viên HĐQT mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều 26 Điều lệ SABECO.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị SABECO. Cơ chế HĐQT đương nhiệm đề cử ứng viên HĐQT được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. HĐQT quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

Điều 12. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ SABECO, không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ SABECO cấm làm thành viên HĐQT. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của SABECO.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của SABECO không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 Công ty đại chúng khác.

3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc trừ khi việc kiêm nhiệm này được Đại hội đồng cổ đông SABECO phê chuẩn.

Điều 13. Thành phần Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ SABECO là bảy (07) thành viên. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của SABECO.

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị của SABECO cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu có 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị SABECO phải là thành viên không điều hành.

3. Cơ cấu thành viên HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành với các thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

4. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên HĐQT, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ SABECO. Việc bầu mới thành viên HĐQT thay thế phải được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.

Điều 14. Quyền của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ SABECO, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SABECO và của các đơn vị trong hệ thống SABECO.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ SABECO, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và của SABECO.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo kịp thời và đầy đủ cho HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của SABECO.Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của SABECO phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

5. SABECO có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ SABECO.

Điều 16. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ SABECO, các văn bản pháp luật liên quan.

2. HĐQT chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của SABECO.

3. HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của SABECO tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ SABECO và các quy định nội bộ của SABECO, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến SABECO.

4. HĐQT chịu trách nhiệm xây dựng, cập nhật và đề xuất điều chỉnh Quy chế nội bộ về quản trị SABECO và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

5. HĐQT có trách nhiệm báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

Điều 17: Họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị SABECO. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO.

2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên HĐQT tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO.

3. Hàng năm, Hội đồng quản trị yêu cầu thành viên độc lập có báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. HĐQT SABECO có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị cần bổ nhiệm 01 thành viên độc lập làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ SABECO.

2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

3. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 19: Người phụ trách quản trị Tổng Công ty

1. HĐQT SABECO phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty của SABECO phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty của SABECO có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa SABECO và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của SABECO;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO;

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO.

Điều 20. Thù lao của Hội đồng quản trị

1. Thù lao của HĐQT được ĐHĐCĐ thông qua hàng năm và được công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của SABECO và các Công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương, thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do SABECO thanh toán, cấp cho từng thành viên HĐQT được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của SABECO.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên BKS SABECO được thực hiện theo quy định tại các Khoản 2, 3 Điều 34 của Điều lệ SABECO.

2. Thông tin liên quan đến các ứng viên BKS (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của SABECO để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;

- Các lợi ích có liên quan tới SABECO (nếu có);

- Các thông tin khác (nếu có).

SABECO phải đảm bảo các cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên BKS (nếu có).

3. Các ứng viên BKS có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên BKS.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS SABECO thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS được công bố rõ ràng và được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. HĐQT quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên BKS theo phương thức dồn phiếu.

Điều 22. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ SABECO. Thành viên BKS phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên BKS có thể không phải là cổ đông của SABECO.

2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của SABECO và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SABECO trong 03 năm liền trước đó.

Điều 23. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều 34 Điều lệ SABECO (ít nhất là ba (03) thành viên và nhiều nhất là năm (05) thành viên). Thành viên BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Trưởng BKS là người kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại SABECO.

Điều 24. Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của SABECO. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và chức danh quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên BKS.

2. SABECO xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên BKS hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của SABECO về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, chức danh quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác

theo quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của SABECO và cổ đông.

2. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên. Biên bản họp BKS được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên BKS tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của BKS phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên BKS.

3. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

4. Trường hợp BKS SABECO phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ SABECO của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác, BKS phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, BKS có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. BKS SABECO có quyền lựa chọn và đề nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SABECO.

6. BKS SABECO chịu trách nhiệm báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

Điều 26. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên BKS được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của BKS. Thù lao cho các thành viên BKS được ĐHĐCĐ thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà SABECO đã thanh toán, cấp cho từng thành viên BKS được công bố trong Báo cáo thường niên của SABECO và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 27. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho SABECO vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc và chức danh quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa SABECO, Công ty con, Công ty do SABECO nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những

người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. SABECO phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của SABECO và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của SABECO.

5. Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của SABECO hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 28. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, SABECO phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. SABECO áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của SABECO và gây tổn hại cho lợi ích của SABECO thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của SABECO.

3. SABECO áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của SABECO. SABECO không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 29. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. SABECO không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. SABECO không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

Cổ đông là Công ty con trong trường hợp Công ty con là các Công ty không có cổ phần, phần vốn góp Nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của SABECO trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

3. SABECO không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) SABECO và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các Công ty trong cùng tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ SABECO;

b) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, SABECO không được thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp SABECO và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các Công ty trong cùng Tập đoàn hoặc các Công ty hoạt động theo nhóm Công ty, bao gồm Công ty mẹ - Công ty con, Tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa SABECO với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên BKS, Tổng giám đốc, các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị SABECO chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất quy định tại Điều lệ SABECO.

Điều 30. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan

1. SABECO phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến SABECO bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến SABECO.

2. SABECO cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến SABECO thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của SABECO và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS, Tổng giám đốc.

3. SABECO phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

CHƯƠNG VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 31. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. SABECO có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị SABECO cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ SABECO và Quy chế thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đối với Công ty đại chúng/Công ty niêm yết của SABECO. Ngoài ra, SABECO phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 32. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty

1. SABECO phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE) và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp SABECO thay đổi mô hình tổ chức quản lý Công ty, SABECO phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông SABECO có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 33. Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty

1. SABECO phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong Báo cáo thường niên của SABECO theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. SABECO có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 34. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng Giám đốc

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác của SABECO phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ SABECO tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 29 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa SABECO với Công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa SABECO với Công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 36. Tổ chức công bố thông tin

1. SABECO phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của SABECO theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

2. SABECO phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của SABECO có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của SABECO với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ SABECO;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

CHƯƠNG VII
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 37. Đào tạo về quản trị Công ty

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị/Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

CHƯƠNG VIII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 38. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được HĐQT đề xuất, trình Đại hội đồng cổ đông SABECO thông qua.

Điều 39. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 8 chương 39 điều, được ĐHĐCĐ SABECO nhất trí thông qua theo Nghị quyết số ngày ___/08/2017 của ĐHĐCĐ SABECO.

2. Quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy chế này có hiệu lực kết từ ngày 01/08/2020.

3. Quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2019.

4. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty này là duy nhất và chính thức của SABECO.

5. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của SABECO phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất hai phần ba tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

VÕ THANH HÀ